

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2022/DS-ST**
Ngày 17/3/2022
V/v Kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Hữu Bình
2. Bà Lý Thị Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Thúy Tình – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại Trụ Sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Toà án nhân dân thành phố T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 111/2021/TLST-DS, ngày 04/10/2021 về việc “*Kiện đòi tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/QĐXXST-DS ngày 07/02/2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** - Bà **Đỗ Thị Minh T**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt;

- Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

*** Bị đơn:** Bà **Đinh Thị C**, sinh năm 1935

Địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông **Hoàng Minh P**, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày và bản tự khai ông Nguyễn Văn Đ và Đỗ Thị Minh T trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 02/01/2015 bà Đinh Thị C, sinh

năm 1935; Địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang có vay của vợ chồng ông Đ, bà T số tiền 30.000.000 đồng, ngày 28/02/2015 Bà C vay tiếp 5.000.000 đồng. Tổng cộng hai lần vay là 35.000.000 đồng. Bà C có viết giấy vay tiền có con trai của Bà C là ông Hoàng Minh P ký vào giấy vay tiền với tư cách là người làm chứng, hai bên thoả thuận là khi nào ông Đ, bà T cần thì Bà C sẽ trả. Tuy nhiên sau nhiều lần ông Đ và bà T yêu cầu Bà C trả nợ nhưng Bà C không trả. Do vậy, ông Đ và bà T khởi kiện yêu cầu Bà C phải trả cho bà T số tiền 35.000.000 đồng (*ba mươi lăm triệu đồng*).

Toà án nhân dân thành phố T thụ lý vụ án, xác định mối quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, nguyên đơn đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật. Tại bản tự khai nguyên đơn không có ý kiến gì về Thông báo thụ lý vụ án số 111/2021/TLVA-DS ngày 01/10/2021 của Toà án nhân dân thành phố T, đồng thời nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Toà án giải quyết buộc bà Đinh Thị C phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Đ, bà T khoản tiền đã vay là 35.000.000 đồng.

Căn cứ trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại Biên bản kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ 13/01/2022, Toà án xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Kiểm đòi tài sản*”, tại phiên họp ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị Minh T giữ nguyên yêu cầu Toà án giải quyết, buộc bà Đinh Thị C phải trả cho ông Đ, bà T khoản tiền đã vay ngày 02/01/2015 là 30.000.000 đồng và khoản tiền vay ngày 28/02/2015 là 5.000.000 đồng. Tổng cộng Bà C phải trả cho ông Đ và bà T là 35.000.000 đồng. Ông Đ và bà T xác định cả hai khoản tiền Bà C vay là tiền chung của hai vợ chồng ông Đ và bà T.

Toà án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, kết quả xác minh thu thập chứng cứ như sau:

Nội dung làm việc với bà Đinh Thị C và ông Hoàng Minh P cho thấy: Bà Đinh Thị C và ông Hoàng Minh P đều xác nhận có nội dung Bà C vay tiền 02 lần của ông Đ và bà T vào các ngày 02/01/2015 và ngày 28/02/2015, cả hai lần vay ông Hoàng Minh P là người viết giấy vay tiền còn Bà C ký là người viết giấy vay tiền, ông Hoàng Minh P ký là người làm chứng.

Tại Kết luận giám định số 36/GĐ-KTHS ngày 28/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Chữ ký (dạng chữ viết) “Chín”, chữ viết ghi “Đinh Thị C” dưới mục “Người viết giấy vay tiền”, “Người viết giấy vay tiền” trên “Giấy vay tiền”, đề ngày 02/01/2015, ngày 28/02/2015 với chữ ký (dạng chữ viết) “Chín” dưới mục “NGƯỜI KHAI KÝ TÊN” trên “TỜ KHAI CHỨNG MINH NHÂN DÂN” số 2011762 và ký (dạng chữ viết) “Chín”, chữ viết ghi tên “Đinh Thị C” tại góc dưới bên trái “BIÊN BẢN XÁC MINH” ngày 09/11/2021 là do cùng một người viết ra; Chữ viết phần nội dung, chữ ký, chữ viết ghi tên Hoàng Minh P dưới mục “Người làm chứng” trên “Giấy vay tiền”, đề ngày 02/01/2015, ngày 28/02/2015 với chữ ký, chữ viết ghi tên Hoàng Minh P dưới mục “NGƯỜI

KHAI KÝ TÊN” trên “TỜ KHAI CHỨNG MINH NHÂN DÂN” số 563943, dưới mục “Người cung cấp sự việc” trên “BIÊN BẢN XÁC MINH” ngày 09/11/2021 là do cùng một người ký ra.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án gửi, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của vụ án, nhưng bà Đinh Thị C và ông Hoàng Minh P không đến tham gia tố tụng theo thời gian triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị Minh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị HĐXX giải quyết, buộc bà Đinh Thị C phải trả cho ông Đ, bà T khoản tiền đã vay ngày 02/01/2015 là 30.000.000 đồng và khoản tiền vay ngày 28/02/2015 là 5.000.000 đồng. Tổng cộng Bà C phải trả cho ông Đ và bà T là 35.000.000 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn đề nghị HĐXX tuyên nghĩa vụ trả lãi của người có nghĩa vụ thi hành án đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Vụ án về “*Kiểm đòi tài sản*” được thụ lý đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật; Trình tự phiên tòa được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; HĐXX và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành của đương sự: Theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thực hiện chưa đúng.

Đại diện VKS không có yêu cầu, kiến nghị khắc phục vấn đề gì về tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

- Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Đinh Thị C phải trả cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị Minh T số tiền 35.000.000 đồng (*ba mươi lăm triệu đồng*); Tuyên nghĩa vụ trả lãi của người có nghĩa vụ thi hành án đối với khoản tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Bà Đinh Thị C được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án là 1.750.000 đồng (*một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Về chi phí tố tụng khác: Bà Đinh Thị C phải chịu toàn bộ chi phí trưng cầu giám định, chữ ký và chữ viết là 3.570.000 đồng (*ba triệu, năm trăm, bảy mươi nghìn đồng*).

- Về quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của các đương sự và tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả trong tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Kiện đòi tài sản*”, bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố T, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX không xem xét áp dụng thời hiệu do các bên đương sự không yêu cầu

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị Minh T kiện đòi tài sản là số tiền 35.000.000 đồng (*ba mươi lăm triệu đồng*) mà bà Đinh Thị C đã vay của ông Đ và bà T, trong đó ngày 02/01/2015 vay 30.000.000 đồng và 28/02/2015 vay 5.000.000 đồng.

Trên cơ sở lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy:

Nội dung tài liệu chứng cứ gốc do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án là giấy viết tay có nội dung ngày 02/01/2015 bà Đinh Thị C có vay của vợ chồng ông Đ, bà T số tiền 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*), ngày 28/02/2015 có vay thêm của ông Đ số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*). Ông Đ và bà T đều xác nhận các khoản tiền Bà C vay là tài sản chung của ông Đ và bà T.

Bà Đinh Thị C và ông Hoàng Minh P đều xác nhận có nội dung Bà C vay tiền 02 lần của ông Đ và bà T vào các ngày 02/01/2015 và ngày 28/02/2015, cả hai lần vay ông Phương là người viết giấy vay tiền còn Bà C ký vào phần người viết giấy vay tiền, ông Phương ký là người làm chứng

Theo Kết luận giám định số 36/GĐ-KTHS ngày 28/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, đã kết luận chữ ký và chữ viết của bà Đinh Thị C và ông Hoàng Minh P, tại giấy vay tiền viết tay mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án đúng là chữ ký của bà Đinh Thị C tại phần “Người viết giấy vay tiền”, đúng là chữ ký và chữ viết của ông Hoàng Minh P tại phần “Người làm chứng”.

Từ những nội dung trên, Hội đồng xét xử xét thấy, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Đinh Thị C trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị Minh T số tiền 35.000.000 đồng (*ba mươi lăm triệu đồng*). Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Đinh Thị C chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với khoản tiền chậm chi hành tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí của vụ án và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 875.000 đồng (*tám trăm, bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000057 ngày 01/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Bà Đinh Thị C được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án là 1.750.000 đồng (*một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

[4] Về chi phí tố tụng khác: Do nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bị đơn là bà Đinh Thị C phải chịu toàn bộ chi phí trưng cầu giám định, chữ ký và chữ viết là 3.570.000 đồng (*ba triệu, năm trăm, bảy mươi nghìn đồng*). Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng. Bà Đinh Thị C phải trả cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị Minh T số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 3.570.000 đồng (*ba triệu, năm trăm, bảy mươi nghìn đồng*).

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn – ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị Minh T có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 17/3/2022; Bị đơn – bà Đinh Thị C và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. – ông Hoàng Minh P vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 184, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 280, 281, 290 Bộ luật dân sự 2005, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Đinh Thị C phải trả cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị Minh T số tiền **35.000.000 đồng** (*ba mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị Minh T được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **875.000 đồng** (*tám trăm, bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000057 ngày 01/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

- Bà Đinh Thị C được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án là **1.750.000 đồng** (một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Nguyên đơn – ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 17/3/2022; Bị đơn – bà Đinh Thị C và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – ông Hoàng Minh P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

" Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tp Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Hữu Bình – Lý Thị Nhân

Vương Thị Lan

